

TRẺ CÓ NHU CẦU GIÁO DỤC ĐẶC BIỆT

Trẻ có nhu cầu giáo dục đặc biệt là một thuật ngữ để chỉ những trẻ gặp khó khăn khi tham gia chương trình giáo dục mầm non hoặc phổ thông cần có sự điều chỉnh về chương trình, phương pháp hình thức tổ chức dạy học, cách đánh giá, cơ sở vật chất và nguồn nhân lực để học tập hiệu quả. Nhu cầu giáo dục đặc biệt không cố định mà có thể thay đổi theo hướng giảm hay tăng tùy theo chất lượng các dịch vụ giáo dục đặc biệt cung cấp cho trẻ đó.

Thuật ngữ “nhu cầu giáo dục đặc biệt” được Warnock Report giới thiệu lần đầu tiên năm 1978 tại Anh nhằm mục đích nâng cao sự chấp nhận của xã hội đối với người khuyết tật. Hơn 40 năm qua thuật ngữ nhu cầu giáo dục đặc biệt tiếp tục được sử dụng ở một số quốc gia để chỉ trẻ em khuyết tật cần được hỗ trợ thêm [5]. Các định nghĩa về nhu cầu giáo dục đặc biệt khác nhau ở mỗi quốc gia, nó có thể bao gồm trẻ em bị khuyết tật về thể chất hoặc tinh thần, khiếm khuyết về nhận thức hoặc giáo dục. Tuy nhiên, việc sử dụng thuật ngữ “nhu cầu giáo dục đặc biệt” đã tạo ra cuộc tranh luận rộng rãi trong các tài liệu học thuật. Nhiều nhà khoa học nhìn nhận việc sử dụng thuật ngữ này là mơ hồ và không phù hợp, không giúp giảm thiểu mà còn gia tăng các hành vi phân biệt đối xử. Họ lập luận rằng bất kỳ trẻ nào cũng có thể gặp khó khăn trong học tập (Solity, 1991).

Tại Việt Nam, thuật ngữ “nhu cầu giáo dục đặc biệt” được Người Mỹ và Bắc Âu mang đến cùng tư tưởng giáo dục hòa nhập vào thập niên 90, thế kỷ XX. Các nhà giáo dục đặc biệt là những người đầu tiên sử dụng thuật ngữ để chỉ các trẻ khuyết tật. Họ quan niệm việc xác định, phân loại gọi tên từng nhóm khuyết tật là kỳ thị, gán mác, phân biệt đối xử với người khuyết tật. Thay vào đó mọi trẻ gặp khó khăn trong học tập khi tham gia chương trình được giáo dục xác định khả năng và nhu cầu đặc biệt trên cơ sở đó giáo viên hòa nhập sẽ xây dựng kế hoạch cá nhân và thiết kế bài dạy hiệu quả. Mặc dù được các nhà giáo dục đặc biệt sử dụng trong 20 năm sau đó nhưng thuật ngữ không được sử dụng trong các văn bản luật pháp của Việt Nam. Năm 2010, Luật Người khuyết tật được quốc hội thông qua, trong đó quy định rõ tên gọi từng loại và mức độ khuyết tật. Thuật ngữ trẻ có nhu cầu giáo dục đặc biệt vẫn tiếp tục được các nhà chuyên môn sử dụng nhưng đối tượng đề cập không chỉ có trẻ khuyết tật mà bao gồm cả những trẻ em khác gặp khó khăn khi tham gia chương trình giáo dục.

Như vậy một trẻ được coi là có nhu cầu giáo dục đặc biệt hay không được nhìn nhận từ sự tương tác phức tạp giữa điểm mạnh và điểm yếu của cá nhân trẻ, mức độ hỗ trợ sẵn có và cung cấp phù hợp của giáo dục. Trẻ em có nhu cầu đặc biệt bao gồm những nhóm trẻ sau:

- Trẻ khuyết tật;
- Trẻ khó khăn hơn trong học tập so với đa số bạn bè cùng trang lứa; khó tiếp cận các cơ sở giáo dục phục vụ cho đa số các bạn bè cùng trang lứa; một số lĩnh vực học tập bị khiếm khuyết, về các chức năng xã hội, học tập, thể chất hoặc các giác quan (tức là học sinh không ngang bằng với phần lớn các bạn bè cùng trang lứa).

3) Trẻ em có nhu cầu giáo dục được ghi nhận do những yếu tố về xã hội, kinh tế, văn hóa.

Trước đây, trẻ có năng khiếu được xếp vào nhóm trẻ có nhu cầu giáo dục đặc biệt. Tuy nhiên, 05 năm trở lại đây các nước đã đưa trẻ tài năng ra khỏi danh sách có nhu cầu giáo dục đặc biệt do nhà trường đã cung cấp những tài nguyên bổ sung nhằm giúp các thành công trong học tập.

Để giúp trẻ có nhu cầu giáo dục đặc biệt thành công tại trường học và hòa nhập cộng đồng các cơ sở giáo dục cần phối hợp chặt chẽ với gia đình, xác định đúng khả năng, nhu cầu lập kế hoạch giáo dục cá nhân và tổ chức giáo dục đáp ứng các nhu cầu giáo dục của mỗi cá nhân. Bên cạnh đó, cần tổ chức giáo dục kỹ năng sống giúp sẽ có khả năng vượt qua những rào cản khó khăn của mình nhanh chóng hòa nhập cùng các trẻ khác.

NGUYỄN THỊ KIM HOA – ĐÀO THỊ THU THỦY

Tài liệu tham khảo

1. Quốc hội. *Luật trẻ em*. Luật số: 102/2016/QH13. 2016
2. Janice Wearmouth. *Special Educational needs and disabilities the Basics* (Second edition). Routledge 2 Park Square, Milton Park, Abingdon, Oxon OX14 4RN. 2016.
3. Ministry of Education, Singapore. *Special education needs: Overview of support for children with special educational needs*. 2018. <https://www.moe.gov.sg/education/special-education>.
4. Pasquale J. Accardo & Barbara Y. Yhatman. *Developmental disabilities terminology*. 2011.
5. UNESCO Hướng dẫn đảm bảo hòa nhập và công bằng trong giáo dục. Paris: UNESCO. 2017. <http://unesdoc.unesco.org/images/0024/002482/248254e.pdf>